

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất
là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng năm 2023
của Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất phải tạm dừng khai thác năm 2023 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 95/TTr-STC ngày 14/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng năm 2023 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	Ghi chú
----	----------	----------------------------------	---------

I	Diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên Công ty quản lý bảo vệ năm 2023 (ha)	13.305,20	
1	Diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên	13.305,20	
II	Nhu cầu dự toán kinh phí thực hiện năm 2023 (đồng)	4.342.760.000	
III	Nguồn kinh phí năm 2023 (đồng)	4.342.760.000	
1	Kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg	3.991.560.000	
2	Thu dịch vụ môi trường rừng	351.200.000	
IV	Chênh lệch thiếu (-), thừa (+) giữa nguồn kinh phí năm 2023 với nhu cầu dự toán kinh phí thực hiện năm 2023 (IV=III-II)	-	

(Chi tiết dự toán cụ thể theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh có trách nhiệm thực hiện quản lý chi phí có hiệu quả, chứng từ chi phí phải đảm bảo đầy đủ thủ tục trên cơ sở phê duyệt dự toán năm 2023 của UBND tỉnh và thực hiện báo cáo quyết toán chi phí theo quy định hiện hành khi kết thúc năm tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Vân Canh, Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (17b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01:

BẢNG CHI TIẾT DỰ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG TỰ NHIÊN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh		
		Dự toán 2023	trong đó:	
			Nguồn kinh phí QLBVR tự nhiên	Nguồn dịch vụ môi trường rừng
I	Nguồn kinh phí			
1	Tổng diện tích rừng tự nhiên được nghiệm thu, quyết toán	13.305,20	13.305,20	
2	Kinh phí			
2.1	Kinh phí năm trước chuyển sang			
2.2	Kinh phí được cấp phát trong năm, trong đó:	4.342.760.000	3.991.560.000	351.200.000
	- Kinh phí ngân sách Trung ương cấp phát trong năm	3.991.560.000	3.991.560.000	
	- Kinh phí thu DVMT rừng của Công ty (năm 2022 và 2023)	351.200.000		351.200.000
2.3	Kinh phí được sử dụng (2.1+2.2)	4.342.760.000	3.991.560.000	351.200.000
2.4	Kinh phí được quyết toán	4.342.760.000	3.991.560.000	351.200.000
2.5	Kinh phí thừa (thiếu) chuyển năm sau (2.3-2.4)	-	-	-
II	Chi tiết dự toán chi phí			
1	Tiền lương, tiền công (cho đối tượng ảnh hưởng trực tiếp khi dừng khai thác chính gỗ rừng tự nhiên)	2.265.000.000	2.181.000.000	84.000.000
2	BHXX, BHYT, BHTN, KPCĐ	338.600.000	315.000.000	23.600.000
3	Trang phục bảo vệ rừng	34.000.000	34.000.000	
4	Chi phí bảo vệ rừng	312.000.000	312.000.000	
4.1	- Chi phí hợp đồng QLBVR với các làng	282.000.000	282.000.000	
4.2	- Chi phí phát dọn thực bì đường ranh quản lý	30.000.000	30.000.000	
5	Chi phí khác	1.393.160.000	1.149.560.000	243.600.000
5.1	- Chi phí hội họp tuyên truyền, sơ kết, tổng kết công tác QLBVR	107.800.000	68.200.000	39.600.000
	+ Chi phí hội họp tuyên truyền với 9 làng	43.200.000	43.200.000	
	+ Chi phối hợp tuyên truyền với các ban ngành, đoàn thể	39.600.000		39.600.000
	+ Chi phí sơ kết, tổng kết	25.000.000	25.000.000	
5.2	- Chi phí phối hợp tuần tra, kiểm tra QLBVR	88.500.000	52.500.000	36.000.000
	+ CP kiểm tra, tuần tra ban ngày	40.300.000	40.300.000	
	+ CP tuần tra chốt chặn ban đêm	36.000.000		36.000.000
	+ CP đi đường biên quản lý	12.200.000	12.200.000	
5.3	- Tiền ăn giữa ca	163.200.000	163.200.000	
5.4	- Lương trực QLBVR, PCCCR ngày lễ, thứ 7 và Chủ nhật	117.000.000	117.000.000	
5.5	- Bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe định kỳ	5.300.000	5.300.000	
	+ Chi phí mua Bảo hiểm tai nạn	2.500.000	2.500.000	
	+ Chi phí khám sức khỏe định kỳ	2.800.000	2.800.000	
5.6	- Tiền điện thắp sáng sinh hoạt cho các trạm QLBVR	18.000.000	18.000.000	
5.7	- Chi phí xăng dầu, công tác phí	336.860.000	336.860.000	
	+ Chi công tác phí	312.000.000	312.000.000	
	+ CP bảo dưỡng và khám lưu hành xe	24.860.000	24.860.000	
5.8	- Chi phí điện thoại	12.700.000	12.700.000	
5.9	- Chi mua văn phòng phẩm	2.000.000	2.000.000	
5.10	- Chi phí xây dựng, sửa chữa các trạm QLBVR	30.000.000	30.000.000	

STT	Nội dung chi phí	Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh		
		Dự toán 2023	trong đó:	
			Nguồn kinh phí QLBVR tự nhiên	Nguồn dịch vụ môi trường rừng
5.11	- Chi phí mua CCDC	56.500.000	56.500.000	
5.12	- Chi phí khấu hao TSCĐ	180.800.000	180.800.000	
5.13	- Chi phí phát sinh khác	274.500.000	106.500.000	168.000.000
	+ Chi phí nghiệm thu	6.000.000	6.000.000	
	+ CP Hỗ trợ tiền ăn tại các Chốt Sông Bung, Kà Bung	42.000.000	42.000.000	
	+ CP hỗ trợ công tác tại chốt Sông Bung và trạm Hà Dế	168.000.000		168.000.000
	+ CP quan hệ giao dịch Công ty với địa bàn giáp ranh	20.000.000	20.000.000	
	+ Chi phí tuyên truyền trên Đài phát thanh	10.000.000	10.000.000	
	+ Chi phí in bản cam kết với các hộ dân trong công tác QLBVR và PCCCR	2.000.000	2.000.000	
	+ Chi phí tập huấn công cụ hỗ trợ (9 người)	5.500.000	5.500.000	
	+ Chi phí xăng nhớt, sửa chữa và bảo dưỡng CCDC	4.000.000	4.000.000	
	+ Chi phí xây dựng bản đồ vùng trọng điểm cháy	2.000.000	2.000.000	
	+ Chi phí bắt mới đường dây điện và hệ thống điện cho chốt QLBVR Kà Bung	15.000.000	15.000.000	
	Tổng cộng	4.342.760.000	3.991.560.000	351.200.000